

Câu I (3,0 điểm)

1. Phân biệt lớp vỏ Địa lí và vỏ Trái đất. Tại sao khi tác động vào tự nhiên, con người có thể dự báo trước được những thay đổi của chúng?
2. Chứng minh rằng sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất có tính địa đới và phi địa đới.

Câu II (2,0 điểm)

1. Tại sao tỉ trọng lao động khu vực III ở các nước đang phát triển tăng nhưng tốc độ còn chậm?
2. Chứng minh rằng sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân có ý nghĩa quyết định tới sự phân bố các ngành giao thông vận tải.

Câu III (2,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2016	2018	2019
Xuất khẩu	72,2	114,5	176,6	243,7	264,2
Nhập khẩu	84,8	113,8	175,0	237,2	253,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

1. Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010-2019, dạng biểu đồ nào là thích hợp nhất?
2. Qua bảng số liệu, hãy nhận xét tình hình xuất nhập khẩu ở nước ta giai đoạn 2010- 2019.

Câu IV (3,0 điểm)

1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh sự khác nhau và giải thích về chế độ mưa giữa trạm khí hậu Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh từ tháng V đến tháng X.
2. Trình bày đặc điểm chung của địa hình đồi núi nước ta. Tại sao địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ lại chủ yếu là đồi núi thấp và thấp dần theo hướng tây bắc- đông nam?

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay

Câu	Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
I (1,0 đ)	1	Phân biệt lớp vỏ Địa lí và vỏ Trái đất. Tại sao khi tác động vào tự nhiên, con người có thể dự báo trước được những thay đổi của chúng?	1,50
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt lớp vỏ địa lí và vỏ Trái đất + Cấu tạo, thành phần: vỏ Trái đất được cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau (granit, bazan, trầm tích), vỏ địa lí là vỏ Trái Đất mà có các lớp vỏ bộ phận (khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, sinh quyển, thổ nhưỡng quyển) xâm nhập tác động lẫn nhau + Trạng thái vật chất: vỏ Trái Đất rắn, vỏ địa lí có các trạng thái rắn, lỏng, khí + Chiều dày: vỏ TĐ 5 – 70km, vỏ địa lí 30 – 35 km (nêu giới hạn) + Thời gian xuất hiện: vỏ TĐ có trước, vỏ địa lí xuất hiện sau - Khi tác động vào tự nhiên, con người có thể dự báo trước được sự thay đổi của chúng vì: + Các thành phần tự nhiên tuân theo quy luật thống nhất và hoàn chỉnh (phân tích khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện QL) + Ví dụ: chặt phá rừng => gây nên các tác động về môi trường => con người hoàn toàn có thể dự báo trước được... 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	2	Chứng minh rằng sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất có tính địa đới và phi địa đới.	1,50
		<ul style="list-style-type: none"> - Tính địa đới: + Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về hai cực. Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về hai cực. + Trên Trái Đất có 7 vòng đai nhiệt: Vòng đai nóng nằm giữa hai đường đẳng nhiệt + 20⁰C của hai bán cầu (khoảng giữa hai vĩ tuyến 30⁰B và 30⁰N); hai vòng đai ôn hòa ở hai bán cầu nằm giữa hai đường đẳng nhiệt + 20⁰C và + 10⁰C của tháng nóng nhất; hai vòng đai lạnh ở các vĩ độ cận cực của hai bán cầu, nằm giữa hai đường đẳng nhiệt + 10⁰C và + 0⁰C của tháng nóng nhất; hai vòng đai băng giá vĩnh cửu bao quanh cực, nhiệt độ quanh năm đều dưới 0⁰C. - Tính phi địa đới: + Nhiệt độ trung bình năm ở chí tuyến cao hơn ở xích đạo (xích đạo: 24,5⁰C; ở vĩ độ 20⁰B là 25⁰C). Biên độ nhiệt độ năm ở khoảng vĩ độ 20⁰B tăng nhanh (có tính đột biến, từ 1,8⁰ ở xích đạo lên đến 7,4⁰C) hơn ở các khoảng vĩ độ khác. + Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ thay đổi theo lục địa và đại dương. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều nằm trên lục địa; đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ, lục địa có biên độ nhiệt độ lớn. Càng vào sâu trong lục địa, nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ càng tăng. + Nhiệt độ không khí thay đổi theo địa hình (độ cao, hướng sườn): Càng lên cao, nhiệt độ không khí càng giảm (trung bình cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm 0,6⁰C). Sườn đón nắng có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng, sườn dốc và sườn thoải cũng khác nhau... 	<p>0,25</p> <p>0,50</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
II (2,0 đ)	1	Tại sao tỉ trọng lao động khu vực III ở các nước đang phát triển tăng nhưng tốc độ còn chậm?	1,00
		<ul style="list-style-type: none"> - Tỉ trọng tăng do: + Nhu cầu về dịch vụ tăng do mức sống, kinh tế phát triển... + Công nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành kinh tế vật chất, lao động được giải phóng... - Tốc độ còn chậm do: + Dịch vụ chưa phát triển theo chiều sâu, chủ yếu là các ngành dịch vụ đơn giản. + Trình độ lao động chưa đáp ứng được yêu cầu của một số ngành dịch vụ. 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	2	Chứng minh rằng sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân có ý nghĩa quyết định tới sự phân bố các ngành GTVT	1,00

		- Các ngành kinh tế quốc dân vừa là khách hàng vừa là cung cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành GTVT. - Các ngành công nghiệp, các vùng chuyên canh nông nghiệp... phát triển nảy sinh nhu cầu vận chuyển nguyên, nhiên liệu từ nơi khai thác đến nơi sản xuất và từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. - Các trung tâm công nghiệp, dịch vụ phát triển thúc đẩy nhu cầu vận chuyển, hình thành mạng lưới GTVT (mật độ, loại hình dịch vụ vận chuyển, cường độ, chất lượng...) - Các ngành kinh tế phát triển (đặc biệt công nghiệp, dịch vụ,...) là điều kiện hỗ trợ, đầu tư về vốn, trang bị xây dựng cơ sở hạ tầng, CSVCKT cho ngành GTVT ...	0,25 0,25 0,25 0,25
III (2,0 đ)		Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010-2019, dạng biểu đồ miền là thích hợp nhất.	0,25
		Nhận xét tình hình xuất nhập khẩu ở nước ta giai đoạn 2010- 2019. - Tổng giá trị XNK tăng (CMSL) - Giá trị XK, NK tăng (CMSL) - Tốc độ tăng khác nhau - Cán cân đang cân đối hơn, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu (CMSL) - Cơ cấu XNK có sự thay đổi + Tỷ trọng XK (CMSL)... + Tỷ trọng NK (CMSL)...	1,75 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
IV (3,0 đ)	1	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh sự khác nhau và giải thích về chế độ mưa giữa trạm khí hậu Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh từ tháng V - X.	1,50
		- Tổng lượng mưa: TP. Hồ Chí Minh lớn hơn Hà Nội. Do TP. Hồ Chí Minh nằm gần xích đạo, giáp biển, nền nhiệt cao hơn nên lượng bốc hơi lớn, mưa đối lưu phát triển mạnh hơn; - Tháng mưa cực đại: TP. Hồ Chí Minh muộn hơn so với Hà Nội phù hợp với sự dịch chuyển của dải hội tụ nhiệt đới theo chuyển động biểu kiến của Mặt Trời. - Biên trình mưa: + Hà Nội: Mưa tập trung trong thời gian ngắn hơn, lượng mưa đầu mùa và cuối mùa thấp hơn nhiều so với tháng đỉnh mưa do chịu ảnh hưởng gió mùa mùa hạ muộn hơn, đồng thời chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc sớm. + TP. Hồ Chí Minh: Mưa rải đều giữa các tháng, thời gian mưa kéo dài hơn do ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ đến sớm và nằm trên đường di chuyển qua của bão, dải hội tụ nhiệt đới...	0,25 0,25 0,25 0,25
	2	Trình bày đặc điểm chung của địa hình đồi núi nước ta. Tại sao địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ lại chủ yếu là đồi núi thấp và thấp dần theo hướng tây bắc - đông nam?	2,00
		*Trình bày đặc điểm chung của địa hình đồi núi nước ta. - Chiếm 3/4 diện tích cả nước, chủ yếu là đồi núi thấp... (diễn giải) - Có cấu trúc đa dạng, có sự phân hóa: vùng núi và đồi trung du (diễn giải) + Núi già được Tân kiến tạo làm trẻ lại và phân bậc rõ rệt. (diễn giải) + Có hai hướng chính: TB - ĐN và vòng cung (dẫn chứng), + nghiêng dần từ TB xuống ĐN... - Mang sắc thái của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa: + Bị xâm thực mạnh, chia cắt nhiều (dẫn chứng). + Quá trình xaxơ mạnh tạo ra nhiều dạng địa hình độc đáo: hang động... - Chịu tác động mạnh mẽ của con người (dẫn chứng)	0,25 0,50 0,50
		*Tại sao địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ lại chủ yếu là đồi núi thấp và thấp dần theo hướng tây bắc - đông nam? - Nguyên nhân: vùng nằm ở rìa nền Hoa Nam (Trung Quốc), hoạt động kiến tạo xảy ra yếu, núi hình thành trong giai đoạn Cổ kiến tạo và được nâng lên yếu trong giai đoạn Tân kiến tạo nên chủ yếu là núi thấp. - Trong toàn miền, cường độ nâng lên không đều. Ở Việt Bắc, về phía biên giới Việt-Trung cường độ nâng có thể tới 1000m, trong khi đó bờ biển chỉ nâng trong phạm vi 200 - 500m. Do vậy hướng nghiêng về phía biển.	0,25 0,25
Tổng toàn bài			10,00